TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

2. Ông Nguyễn Thanh An.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 1/15, đường Huỳnh Châu Sổ, khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị K, sinh năm 1967.

2.2. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà U có đơn xin vắng mặt; bà K, ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị U trình bày:

Bà và bà Lê Thị K có mối quan hệ quen biết nên ngày 08/7/2022 (âm lịch) (nhằm ngày 05/8/2022 dương lịch) bà có cho bà K mượn số tiền 150.000.000 đồng để bà K làm thủ tục giấy tờ Ngân hàng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là 02 tháng, tức là ngày 08/9/2022 (âm lịch) (nhằm ngày 03/10/2022 dương

lịch). Đến ngày 25/7/2022 (âm lịch) (nhằm ngày 22/8/2022 dương lịch) bà tiếp tục cho bà K mượn số tiền 100.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền là 01 tháng, tức là ngày 25/8/2022 (âm lịch) (nhằm ngày 20/9/2022 dương lịch), tổng cộng bà cho bà K mượn số tiền 250.000.000 đồng, khi mượn tiền bà và bà K có làm "Hợp đồng mượn tiền".

Trong quá trình mượn tiền, bà K không trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà. Đến hạn trả tiền, bà K không trả cho bà số tiền nợ 250.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị K là vợ chồng, ông A biết việc bà K mượn tiền của bà, nợ này là nợ chung của vợ chồng bà K, ông A trong thời kỳ hôn nhân.

Nay bà yêu cầu bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A phải liên đới trả cho bà số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện theo các quy định về quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện theo các quy định về quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị U khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Bà U cung cấp "Hợp đồng mượn tiền" ngày 08/7/2022 có chữ ký và chữ viết của bà K tại mục bên mượn tiền, chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền tại mục người làm chứng thể hiện bà K có mượn của bà U số tiền 150.000.000 đồng và "Hợp đồng mượn tiền" ngày 25/7/2022 có chữ ký và chữ viết của bà K tại mục bên mượn tiền thể hiện bà K có mượn của bà U số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình mượn tiền, bà K không thanh toán cho bà U bất kỳ khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà K đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bà K còn nợ bà U số tiền 250.000.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi: "Hợp đồng mượn tiền" ngày 25/7/2022 thời hạn vay 01 tháng và "Hợp đồng mượn tiền" ngày 08/7/2022 thời hạn vay 02 tháng, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, mặc dù khi mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi suất nhưng từ khi đến hạn trả nợ đến nay bà K không trả cho bà U bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ. Bà U yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là có sơ sở chấp nhận. Ông A và bà K là vợ chồng, ông A không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà U buộc ông A liên đới với bà K trả nợ cho bà U. Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị U khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn là bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà K, ông A.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị U yêu cầu bà Lê Thị K phải trả số tiền nợ vay 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào "Hợp đồng mượn tiền" ngày 08/7/2022 do bà U cung cấp thể hiện ngày 08/7/2022 bà K có mượn của bà U số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 02 tháng, trong hợp đồng mượn tiền tại mục "Bên mượn tiền" có chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị K và tại mục làm chứng có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền, "Hợp đồng mượn tiền" ngày 25/7/2022 thể hiện ngày 25/7/2022 bà K có mượn của bà U số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 01 tháng, trong hợp đồng mượn tiền tại mục "Bên mượn tiền" có chữ ký, chữ viết của bà Lê Thị K, nên giữa bà Huỳnh Thị U và bà Lê Thị K đã xác lập hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ, nhưng bà K không trả tiền nợ vay cho bà U, việc bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm vào hợp đồng các bên đã xác lập.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn có ý kiến và cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên, bị đơn bà K vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ nêu trên. Trong khi đó theo Giấy yêu cầu xác minh ngày 17/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thì Công an xã Thạnh Hòa xác nhận thông tin bà Lê Thị K có đăng ký thường trú và hiện tại đang sinh sống tại ấp 2, xã Thạnh Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Việc bà K vắng mặt và không phản đối

những chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn bà U đưa ra nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn xác định bà K còn nợ bà U số tiền 250.000.000 đồng nhưng bà K không trả số tiền trên cho bà U là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu trả số tiền nợ vay của bà U là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Bà U xác định trong hợp đồng mượn tiền không thỏa thuận lãi suất, trong quá trình mượn tiền bà K không trả cho bà U bất cứ khoản tiền lãi nào, nên bà U yêu cầu tính lãi từ tháng 8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Tuy nhiên, theo Biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đối với bà Huỳnh Thị U thì bà U thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà U yêu cầu tính lãi từ ngày 04/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Xét yêu cầu tính lãi của bà U: Căn cứ "Hợp đồng mượn tiền" ngày 08/7/2022 thời hạn vay là 02 tháng tính từ ngày 08/7/2022 âm lịch (là ngày 05/8/2022 dương lịch) đến ngày 08/9/2022 âm lịch (là ngày 03/10/2022 dương lịch) và "Hợp đồng mượn tiền" ngày 25/7/2022 thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 25/7/2022 âm lịch (là ngày 22/8/2022 dương lịch) đến ngày 25/8/2022 âm lịch (là ngày 20/9/2022 dương lịch), trong các hợp đồng mượn tiền không thể hiện lãi suất, bị đơn bà Lê Thị K vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ cũng như tiền lãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu tính lãi của bà U là có căn cứ chấp nhận, lãi suất được tính là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), tiền lãi được tính từ ngày 04/10/2022 (ngày đến hạn trả tiền là 03/10/2022) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 06/9/2023 là: 250.000.000 đồng x 10%/năm (0.83%/tháng) x 11 tháng 02 ngày = 22.963.334 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi bà K phải trả cho bà U là 272.963.334 đồng.

[2.4] Về trách nhiệm trả nợ của ông Nguyễn Văn A: Xét thấy quan hệ giữa bà K và ông A là vợ chồng. Bà K mượn tiền nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà K và ông A còn tồn tại. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà K và ông A phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà U số tiền nợ vay 272.963.334 đồng.

[2.5] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị U theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 272.963.334 đồng x 5% = 13.648.167 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị U đối với bà Lê Thị K, ông Nguyễn Văn A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn A phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị U số tiền 272.963.334 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn A phải liên đới chịu 13.648.167 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo